

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2025/DS-ST

Ngày: 09-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.
- Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1064/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A, đường V, phường E, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Tuấn P, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A, đường V, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 9 năm 2024, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Châu Thị Mỹ L, sinh năm 1989; địa chỉ: Số C D, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T là ông Đào Tuấn P trình bày:

Do có quan hệ quen biết, bà Nguyễn Thị T có cho bà Châu Thị Mỹ L vay nhiều lần tiền với tổng số tiền là 700.000.000 đồng; khi cho vay tiền, các bên không lập thành văn bản, không thỏa thuận về thời hạn vay tiền và lãi suất vay.

Hình thức cho vay là chuyển khoản, bà T dùng số tài khoản 0231000617079 tại Ngân hàng V, chủ tài khoản Nguyễn Thị Thanh chuyển vào số tài khoản số 10477667 tại Ngân hàng Á (A), chủ tài khoản Châu Thị Mỹ L nhiều lần tiền với tổng số tiền là 700.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 22 tháng 12 năm 2022, chuyển số tiền 250.000.000 đồng.
- Ngày 17 tháng 01 năm 2023 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 18 tháng 01 năm 2023 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 03 tháng 02 năm 2023 chuyển số tiền 150.000.000 đồng.
- Ngày 05 tháng 5 năm 2023 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.

Qua các lần chuyển tiền trên thì bà Châu Thị Mỹ L đã đồng thời xác nhận số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng (qua nội dung tin nhắn điện thoại). Bà L có thanh toán cho bà T số tiền 130.000.000 đồng, còn nợ lại 570.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 27 tháng 3 năm 2023, bà L chuyển khoản cho bà T số tiền 30.000.000 đồng.
- Ngày 03 tháng 4 năm 2023, bà L chuyển khoản cho bà T số tiền 100.000.000 đồng.

Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay nhưng bà L chỉ hứa hẹn và không thực hiện. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Châu Thị Mỹ L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng – 130.000.000 đồng = 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu về lãi suất.

Bị đơn bà Châu Thị Mỹ L vắng mặt và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đại diện Viện Kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Châu Thị Mỹ L trả lại số tiền đã vay nên đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đào Tuấn P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà L được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa vào các ngày 19 tháng 5 năm 2025 và ngày 09 tháng 6 năm 2025 nhưng bà L vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sao kê tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị T, số tài khoản 0231000617079 tại Ngân hàng V, chủ tài khoản Nguyễn Thị T thể hiện bà T nhiều lần chuyển vào số tài khoản số 10477667 tại Ngân hàng Á (A), chủ tài khoản Châu Thị Mỹ L nhiều lần tiền với tổng số tiền là 700.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 22 tháng 12 năm 2022, chuyển số tiền 250.000.000 đồng.
- Ngày 17 tháng 01 năm 2023 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 18 tháng 01 năm 2023 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 03 tháng 02 năm 2023 chuyển số tiền 150.000.000 đồng.
- Ngày 05 tháng 5 năm 2023 chuyển số tiền 100.000.000 đồng.

Mặc dù bà T không cung cấp được giấy vay tiền để chứng minh số tiền bà T chuyển tiền cho bà L là để cho bà L vay tiền, nội dung chuyển khoản cũng không thể hiện lý do chuyển tiền. Tuy nhiên, qua nội dung tin nhắn trao đổi giữa bà T và bà L thể hiện bà L thừa nhận có nợ tiền bà T và có hứa hẹn trả tiền. Như vậy, thực tế giữa bà T và bà L có thỏa thuận vay tiền. Ngoài chứng cứ là sao kê tài khoản ngân hàng thì không có tài liệu nào khác thể hiện giữa các bên có thỏa thuận về kỳ hạn trả nợ, về lãi suất vay tiền của từng khoản vay. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đây là hợp đồng vay tiền không có kỳ hạn và không có lãi suất.

[2.2] Qua sao kê tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn Thị T, nội dung tin nhắn

trao đổi giữa bà T và bà L và sự thừa nhận của bà T thể hiện bà L đã trả cho bà T 02 lần tiền với tổng số tiền 130.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 27 tháng 3 năm 2023, bà L chuyển khoản cho bà T số tiền 30.000.000 đồng.

- Ngày 03 tháng 4 năm 2023, bà L chuyển khoản cho bà T số tiền 100.000.000 đồng.

Như vậy, bà L còn nợ bà T số tiền:

700.000.000 đồng – 130.000.000 đồng = 570.000.000 đồng.

[2.3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 570.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Đối với các khoản tiền khác bà T và bà L chuyển cho nhau, nguyên đơn xác định không liên quan đến các khoản tiền bà T cho bà L vay và các khoản tiền bà L trả cho bà T trong vụ án này, các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị đơn bà L phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ các Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Châu Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 13.400.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008577 ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Bà Châu Thị Mỹ L phải chịu 26.800.000 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng